

SAFETY JOGGER
PROFESSIONAL

Light

NILDA 01

ếu [illegible] ớ

Giày b ệ t NILDA có khả năng chư ố ợ SR, b ả v ệ ESD, đế giày có th i ế à o chỉnh đư ợc , SJ Grip và phần trên thoáng khí.

Những vật liệu cao cấp hơn	Lorica
ót bên trong	i tái chế lưới
rong	Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
ngoài	Đ Phylon/cao su
i	Loạ 01 / SRC, ESD
	Phạm vi kích thước EU 35-42 / UK 3.0-8.0 / US 5.5-10.5 JPN 21.5-26.5 / KOR 230-270
ng lượng t	thép 0.215 kg
	ẩn hóa u chu ASTM F2892:2018 EN ISO 20347:2012

CE · ESD · OXYGRIP

CO2 3.84 kg



WHT



BLK



LGN



X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn ngừa bắt lửa do tích điện. [illegible] 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



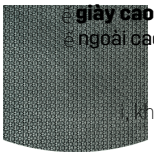
Tay cầm **Oxy / Tay** cầm **SJ**
ê ngoài bằng cao su Oxytract có [illegible] trên cả sàn khô và SRC (SRA+ SRB).



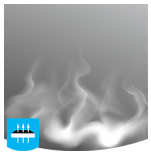
SRC
Đ những tính năng [illegible] giày [illegible] giày bảo [illegible] SRC [illegible] qua cả bài SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gốm.



ượng **có** thể **tháo** rờ
Thay miếng lót giày thường xuyên [illegible] lót giày chỉnh hình riêng [illegible]



ê **giày cao su**
ê ngoài cao su cung cấp các tính năng linh hoạt giúp chúng phù [illegible] ực ứng dụng: khả năng chống cắt [illegible] năng chịu nhiệt và độ lạnh, tính linh hoạt cao ở nhiệt độ lạnh, khả năng [illegible] và nhiều l



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ [illegible] **mát** [illegible] lâu hơn.

Công nghiệp n:

phục vụ ăn uố ạnh g, Làm sảcupốẩm m & Dthuộ c v ề y h ọ c

ường: **Môi** t

rư ờn môigkhô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương dân ba#o tri:

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phậ cáchủ hàn hiệ Khôngtrên lò s

K

	Sự miêu t ả	EN ISO 20347	ết ả	ơn vị u	đo l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **Lorica** cao cấp h ơn						
	Top: khả năng thấm ướt ban đầu	? 0.8		3.3	iờ	mg/cm/g
	Top: hi nuệ số ch ơ	? 15		28		mg/cm2
ót bên trong	i tái ch ế					
	L ớp lót: thấm ướt ban đầu	? 2		43.7	iờ	mg/cm/g
	lót: hi nuệ số ch ơ	? 20		350		mg/cm2
rong Đ	ệ m chân SJ làm t ừ mút tái ch ế (96% vật l iệu tái ch ế)					
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800		25600/12800		chu kỳ
goài Đ	Philon/cao su					
	Ch ố n g trơn trượt ế ngoài (mài mòn)	? 150		137		mm
	a đế ngoài SRA gót chân	? 0.28		0.38		ma sát
	a đế ngoài SRA Phẳ t g	? 0.32		0.36		ma sát
	a đế ngoài SRB gót chân	? 0.13		0.17		ma sát
	ặc đế ngoài SRB phẳ n g	? 0.18		0.24		ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		N/A		megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100		46		megaohm
	Hấp thụ năng l ượ g củ gót chân	? 20		26.3		J

kích thước thép: 38

a chúng tôi Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự miêu t ả	ết ả	ơn vị u	đo l	Đ ờn g q
i **CO** phát thả					
	V ật l iệu		1.58		kg
	Bao bì		0.10		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			3.84 kg CO2/		cặp

	Sự miêu t ả	ết ả	K u	q
ệ vật l Tiệ ái ch ế				
	Product		18%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:

ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.

Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán